

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn học: **Thực tập trang bị điện nâng cao (228259) - Nhóm 03**

CBGD: **Nguyễn Mạnh Thắng (280014)**

Số SV có mặt: 24

Số bài thi: 24

Số tờ giấy thi: 24

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1	G.Viên chấm thi 2
<i>Nguyễn Mạnh Thắng</i>	<i>Nguyễn Mạnh Thắng</i>	<i>Nguyễn Mạnh Thắng</i>	<i>Nguyễn Mạnh Thắng</i>

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	2119050070	PHAN KIM TUẤN ANH	07/04/2001	CCQ1905C			<i>Duy</i>	6,0	5,0	5,4	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	2119050072	PHẠM QUỐC BẢO	20/09/2001	CCQ1905C			<i>Phạm Quốc Bảo</i>	7,0	6,0	6,4	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	2119050071	TRẦN GIA BẢO	01/01/2001	CCQ1905C			<i>Trần Gia Bảo</i>	7,0	5,0	5,8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	2119050073	NGUYỄN DUY CƯỜNG	12/10/2001	CCQ1905C			<i>Nguyễn Duy Cường</i>	6,0	5,0	5,4	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	2119050078	NGUYỄN QUANG HIẾU	25/10/2001	CCQ1905C			<i>Nguyễn Quang Hiếu</i>	6,0	4,5	5,1	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	2119050080	NGUYỄN TẤN HOÀNG	01/10/2001	CCQ1905C			<i>Nguyễn Tấn Hoàng</i>	7,0	7,0	7,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	2119050081	PHAN NGỌC HUY	05/12/1998	CCQ1905C			<i>Phan Ngọc Huy</i>	7,0	6,0	6,4	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	2119050082	VÕ VĂN HUY	15/09/2001	CCQ1905C			<i>Võ Văn Huy</i>	7,0	5,0	5,8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	2118050027	TRƯƠNG NGỌC LÊ	21/07/2000	CCQ1805A			<i>Trương Ngọc Lê</i>	7,0	5,0	5,8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	2119050085	TRẦN VĂN NGỌC LONG	11/08/2000	CCQ1905C			<i>Trần Văn Ngọc Long</i>	6,5	6,0	6,2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	2119050086	NGUYỄN THÀNH LUẬN	20/02/2001	CCQ1905C			<i>Nguyễn Thành Luận</i>	6,5	6,0	6,2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	2119050087	NGUYỄN VĂN LỰC	03/08/2001	CCQ1905C			<i>Nguyễn Văn Lực</i>	8,0	10	9,2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	2119050092	HUỖNH HỮU PHƯỚC	14/04/2001	CCQ1905C			<i>Huỳnh Hữu Phước</i>	7,0	5,0	5,8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	2119050091	PHẠM NGỌC PHƯƠNG	19/10/2001	CCQ1905C			<i>Phạm Ngọc Phương</i>	6,0	5,0	5,4	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	2119050093	KIỀU NGỌC QUANG	13/07/2001	CCQ1905C			<i>Kiều Ngọc Quang</i>	7,0	8,0	7,6	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	2119050094	HUỖNH VĂN QUYẾT	10/11/1998	CCQ1905C			<i>Huỳnh Văn Quyết</i>	8,0	10	9,2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	2119050096	NGUYỄN NHÂN TÀI	14/10/2001	CCQ1905C			<i>Nguyễn Nhân Tài</i>	6,5	6,0	6,2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	2119050097	NGUYỄN TẤN TÀI	09/12/2001	CCQ1905C			<i>Nguyễn Tấn Tài</i>	6,0	4,5	5,1	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
19	2119050099	BÁO VĂN LỘC THỌ	04/01/2001	CCQ1905C			<i>Báo Văn Lộc Thọ</i>	8,0	10	9,2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	2119050100	NGUYỄN MINH TIẾN	27/06/2001	CCQ1905C			<i>Nguyễn Minh Tiến</i>	7,0	10	8,8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn học: **Thực tập trang bị điện nâng cao (228259) - Nhóm 03**

CBGD: **Nguyễn Mạnh Thắng (280014)**

Số SV có mặt: 24

Số bài thi: 24

Số tờ giấy thi: 24

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1	G.Viên chấm thi 2
<i>Nguyễn Mạnh Thắng</i>	<i>Đỗ Thị Mỹ</i>	<i>Nguyễn Mạnh Thắng</i>	<i>Đỗ Thị Mỹ</i>

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ. QT 40%	Đ. Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
21	2119050101	ĐẶNG TRUNG TÍN	21/12/1998	CCQ1905C			<i>[Signature]</i>	8,0	7,0	7,4	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
22	2119050102	SƯ MINH TỐT	22/09/1999	CCQ1905C			<i>[Signature]</i>	8,0	8,0	8,0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
23	2119050103	LÊ QUỐC TỰ	27/09/2001	CCQ1905C			<i>[Signature]</i>	8,0	6,0	6,8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
24	2119050104	LƯU TRƯỢNG TY	21/05/2001	CCQ1905C			<i>[Signature]</i>	7,0	6,0	6,4	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)